

Court of Washington, County of _____
Tòa Án Washington, Quận _____

Petitioner
Nguyễn Đơn

vs.
kiện

Respondent (Restrained Person)
Bị Đơn (Người Bị Ngăn Cấm)

DOB
Ngày Sinh

No.
Số

Denial Order - Extreme Risk
Lệnh Từ Chối - Rủi Ro Cực Độ

Respondent Under 18 years
Bị Đơn Dưới 18 tuổi

(Optional Use) (ORDMTP)
(Không Bắt Buộc Sử Dụng) (ORDMTP)

Clerk's Action Required
Việc Lục Sự Cần Làm

Next Hearing Date/Time: _____
Ngày/Giờ Phiên Xét Xử Tiếp Theo:

At:

Tại:

Denial Order - Extreme Risk Respondent Under 18 years
Lệnh Từ Chối - Rủi Ro Cực Độ Bị Đơn Dưới 18 tuổi

This Matter is before the court at the request of (Name) _____,
for a:

Vấn Đề này là trước tòa án theo yêu cầu của (Tên) _____,
đối với một:

- | | | |
|---|---|---|
| <input type="checkbox"/> Temporary Order
Lệnh Tạm Thời | <input type="checkbox"/> Full Order
[-] Lệnh Chính Thức | <input type="checkbox"/> Renewal Order
[-] Lệnh Gia Hạn |
| <input type="checkbox"/> Termination Order
Lệnh Chấm Dứt | <input type="checkbox"/> Respondent's Motion to Seal
[-] Kiến Nghị Niêm Phong Của Bị Đơn | <input type="checkbox"/> Respondent under 18 years
[-] Bị Đơn dưới 18 tuổi |

and the court finds that:
và tòa án nhận thấy rằng:

- Petitioner Respondent did not appear.
Nguyễn Đơn [-] Bị Đơn đã không hiện diện.
- Petitioner **requested dismissal** of petition.
Nguyễn Đơn **đã yêu cầu bác bỏ đơn xin.**
- This **order materially changes** an existing order. A hearing after notice is necessary.

Lệnh này chủ yếu thay đổi một lệnh hiện có. Một phiên xét xử sau thông báo là cần thiết.

[] No notice of this request has been made or attempted to the opposing party.
Không có thông báo nào về yêu cầu này được đưa ra hoặc cố gắng gửi cho đương sự đối lập.

[] The petitioner **has failed to demonstrate that there is sufficient basis** to enter a temporary order without notice to the opposing party.
Nguyên đơn đã không chứng minh được rằng có đủ cơ sở để ban hành lệnh tạm thời mà không thông báo cho [-] đương sự đối lập.

[] The extreme risk protection order **petition does not list specific acts** that demonstrate that the respondent poses a significant danger of causing personal injury to self or others by having in his or her custody or control, accessing, purchasing, possessing, or receiving a firearm.

Đơn xin lệnh bảo vệ rủi ro cực độ không liệt kê các hành vi cụ thể chứng minh rằng bị đơn gây nguy cơ đáng kể về thương tích cá nhân cho bản thân hoặc những người khác bằng cách có quyền quản lý hoặc kiểm soát, mua, sở hữu, tiếp cận, nhận hoặc cố mua hay nhận súng của họ.

[] The **reasons for denial** of the order are:
Các lý do từ chối lệnh là:

[] A **preponderance of the evidence has not established** that the respondent poses a significant danger of causing personal injury to self or others by having in his or her custody or control, accessing, purchasing, or receiving a firearm.

Bằng chứng chiếm ưu thế hơn đã không chứng minh được rằng bị đơn gây nguy cơ đáng kể về thương tích cá nhân cho bản thân hoặc những người khác bằng cách có quyền quản lý hoặc kiểm soát, mua, sở hữu, tiếp cận, nhận hoặc cố mua hay nhận súng của họ.

[] Other: _____
Khác: _____

Modify/Terminate:

Sửa Đổi/Chấm Dứt:

[] The court finds that the **Respondent has previously filed a motion** to terminate the order during the current 12 month period (following entry of the order), and is not eligible for the relief requested.

Tòa án nhận thấy rằng Bị Đơn trước đây đã nộp kiến nghị chấm dứt trong khoảng thời gian 12 tháng hiện tại (sau khi có lệnh) và không hội đủ điều kiện nhận được biện pháp hỗ trợ theo yêu cầu.

[] Other: _____

Khác:

Sealing:

Niêm Phong:

[] The respondent has **not met the specific requirements to seal** the Extreme Risk Protection Order case
Bị đơn đã không đáp ứng các yêu cầu cụ thể để niêm phong vụ án Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ

[] Other: _____
Khác: _____

The court orders that:

Các lệnh tòa rằng:

[] The request for a **temporary order** is denied and the case is dismissed.
Yêu cầu xin lệnh tạm thời bị từ chối và vụ án bị bác bỏ.

[] The request for a **full order** is denied, and the petition is dismissed. Any previously entered temporary order expires at _____ a.m./p.m. today.
Yêu cầu xin lệnh chính thức bị từ chối và đơn xin bị bác bỏ. Bất kỳ lệnh tạm thời nào đã ban hành trước đó sẽ hết hạn vào lúc _____ a.m./p.m. ngày hôm nay.

[] The request for a **temporary order is denied and the clerk is directed to set a hearing** on the petition.
Yêu cầu xin lệnh tạm thời bị từ chối và lục sự được chỉ đạo ấn định một phiên xét xử đơn xin.

[] The request before the court is denied, provided that **it may be renewed after notice** has been provided to the opposing party according to the Civil Rules.
Yêu cầu trước tòa án bị từ chối, với điều kiện là yêu cầu này có thể được gia hạn sau khi thông báo đã được cung cấp cho đương sự đối lập theo Luật Lệ Dân Sự.

[] The request to **modify, terminate, or renew** the order dated _____ is denied.
Yêu cầu sửa đổi, chấm dứt hoặc gia hạn lệnh đề ngày _____ bị từ chối.

[] The **request to seal** is denied.
Yêu cầu niêm phong bị từ chối.

[] If any **firearms have been surrendered** under this cause number, they shall be released to the respondent, absent some other legal reason that may exist prohibiting the respondent from possessing them.
Nếu bất kỳ súng nào đã được giao nộp theo số vụ án này, súng sẽ được giao cho bị đơn mà không có lý do pháp lý nào khác có thể tồn tại để nghiêm cấm bị đơn sở hữu chúng.

- [] The parties are directed to appear for a hearing as shown on page one.
Các đương sự được chỉ đạo hiện diện tại phiên xét xử như ở trang một.

The requesting party shall make arrangements for service of the petition/motion and this order on (Name) _____ by law enforcement, professional process server, a person who is 18 or older, competent to be a witness, and not a party to the case. A Proof of Service shall be filed with the clerk at or before the hearing.

Đương sự yêu cầu sẽ sắp xếp việc tổng đạt đơn xin/kiến nghị và lệnh này cho (Tên) bởi cơ quan thực thi pháp luật, người tổng đạt tố tụng chuyên nghiệp, một người từ 18 tuổi trở lên, có thẩm quyền làm nhân chứng và không phải là một đương sự trong vụ án. Bằng Chứng Tổng Đạt phải được nộp cho lục sự tòa án vào hoặc trước phiên xét xử.

Failure to Appear at the Hearing May Result in the Court Granting All of the Relief Requested in the Petition or Motion.

Không Hiện Diện Tại Phiên Xét Xử Có Thể Dẫn Đến Việc Tòa Án Chấp Nhận Tất Cả Các Biện Pháp Hỗ Trợ Được Yêu Cầu Trong Đơn Xin Hoặc Kiến Nghị.

This order is dated and signed in open court.
Lệnh này được đề ngày và ký ở tòa án công khai.

Date: _____/Time _____
Ngày: _____/Giờ _____

Judge/Pro Tem/Commissioner
Thẩm Phán/Thẩm Phán Tạm Thời/Ủy Viên

Print Judge/Pro Tem/Commissioner Name
Viết In Tên Của Thẩm Phán/Thẩm Phán Tạm Thời/Ủy Viên

I acknowledge receipt of a copy of this order:
Tôi thừa nhận việc nhận được bản sao lệnh này:

Signature of Respondent/Lawyer WSBA No.
Chữ Ký của Bị Đơn/Luật Sư WSBA Số

Print Name Date
Tên Viết In Ngày

Signature of Petitioner/Lawyer WSBA No.
Chữ Ký của Nguyên Đơn/Luật Sư WSBA Số

Print Name Date
Tên Viết In Ngày